

# TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 12310-5:2018

ISO 4046-5:2016

## GIẤY, CÁC TÔNG, BỘT GIẤY VÀ CÁC THUẬT NGỮ LIÊN QUAN - TỪ VỰNG - PHẦN 5: TÍNH CHẤT CỦA BỘT GIẤY, GIẤY VÀ CÁC TÔNG

*Paper, board, pulps and related terms - Vocabulary - Part 5: Properties of pulp, paper and board*

### Lời nói đầu

TCVN 12310-5:2018 hoàn toàn tương đương với ISO 4046-5:2016

TCVN 12310-5:2018 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 06 Giấy và sản phẩm giấy biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Bộ tiêu chuẩn TCVN 12310(ISO 4046) Giấy, các tông, bột giấy và các thuật ngữ liên quan - Từ vựng gồm các tiêu chuẩn sau:

- TCVN 12310-2:2018 (ISO 4046-2:2016), Phần 2: Thuật ngữ về sản xuất bột giấy;
- TCVN 12310-3:2018 (ISO 4046-3:2016), Phần 3: Thuật ngữ về sản xuất giấy;
- TCVN 12310-4:2018 (ISO 4046-4:2016), Phần 4: Các loại giấy và các tông và các sản phẩm được gia công;

TCVN 12310-5:2018 (ISO 4046-5:2016), Phần 5: Tính chất của bột giấy, giấy và các tông.

Bộ tiêu chuẩn ISO 4046, *Paper, board, pulps and related term- Vocabulary* còn tiêu chuẩn sau:

ISO 4046, Part 1: Alphabetical index.

## GIẤY, CÁC TÔNG, BỘT GIẤY VÀ CÁC THUẬT NGỮ LIÊN QUAN - TỪ VỰNG - PHẦN 5: TÍNH CHẤT CỦA BỘT GIẤY, GIẤY VÀ CÁC TÔNG

*Paper, board, pulps and related terms - Vocabulary - Part 5: Properties of pulp, paper and board*

### 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này định nghĩa các thuật ngữ liên quan đến tính chất của bột giấy, giấy và các tông

### 2 Thuật ngữ và định nghĩa về sản xuất bột giấy

Xem TCVN 12310-2 (ISO 4046-2), Giấy, các tông, bột giấy và các thuật ngữ liên quan - Từ vựng - Phần 2: Thuật ngữ về sản xuất bột giấy

### 3 Thuật ngữ và định nghĩa về sản xuất giấy

Xem TCVN 12310-3 (ISO 4046-3), Giấy, các tông, bột giấy và các thuật ngữ liên quan - Từ vựng - Phần 3: Thuật ngữ về sản xuất giấy

### 4 Thuật ngữ và định nghĩa về các loại giấy và các tông và các sản phẩm được gia công

Xem TCVN 12310-4 (ISO 4046-4), Giấy, các tông, bột giấy và các thuật ngữ liên quan - Từ vựng - Phần 4: Các loại giấy và các tông và các sản phẩm được gia công

### 5 Thuật ngữ và định nghĩa về các tính chất của bột giấy, giấy và các tông

#### 5.1

#### Khả năng thấm hút

Khả năng của giấy hoặc các tông hút và giữ chất lỏng khi tiếp xúc

CHÚ THÍCH Mức độ thấm hút hoặc tốc độ thấm hút được xác định theo các phương pháp thử tiêu chuẩn.

#### 5.2

#### Tro không tan trong axit

Phần cặn không tan thu được sau khi khử bột giấy thành tro và xử lý tro trong axit clohydric

[ISO 776:1982]

Xem thêm **độ tro**

#### 5.3

#### Sự lão hóa

Sự thay đổi không thể phục hồi, thông thường là sự giảm giá trị của các đặc tính của giấy hoặc các tông theo thời gian.

#### 5.4

##### **Độ thấu khí**

Lượng không khí trung bình đi qua một đơn vị diện tích của tờ giấy hoặc các tông dưới một đơn vị chênh lệch áp suất, trong một đơn vị thời gian, dưới điều kiện xác định

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 5636-1:1984

#### 5.5

##### **Dự trữ kiềm**

(trong giấy và các tông) Hợp chất như cacbonat canxi, trung hòa axit có thể được tạo ra do quá trình lão hóa tự nhiên hoặc do sự ô nhiễm không khí, được xác định theo phương pháp thử tiêu chuẩn phù hợp

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 10716:1994

#### 5.6

##### **Độ bền kiềm**

Phần bột giấy không hòa tan trong dung dịch natri hydroxit ở các nồng độ xác định

CHÚ THÍCH 1 Tham khảo từ ISO 699:1982

CHÚ THÍCH 2 Tính chất này có thể xem như “giá trị R”

#### 5.7

##### **Khả năng tan trong kiềm**

Phần bột giấy hòa tan trong dung dịch natri hydroxit ở các nồng độ xác định

CHÚ THÍCH 1 Tham khảo ISO 692:1982

CHÚ THÍCH 2 Tính chất này có thể xem như “giá trị S”

#### 5.8

##### **Khối lượng riêng biểu kiến của tập**

Khối lượng trên một đơn vị thể tích của giấy hoặc các tông được tính từ độ dày của tập

CHÚ THÍCH Tham khảo TCVN 3652:2000 (ISO 534:1988)

#### 5.9

##### **Khối lượng riêng biểu kiến của tờ**

Khối lượng trên một đơn vị thể tích của giấy hoặc các tông được tính từ định lượng và độ dày của từng tờ

CHÚ THÍCH Tham khảo TCVN 3652:2000 (ISO 534:1988)

#### 5.10

##### **Độ tro**

Xem **lượng còn lại sau khi nung**

#### 5.11

##### **Phòng thử nghiệm được ủy quyền**

Phòng thí nghiệm được chỉ định cung cấp các mẫu chuẩn đối chiếu mức 3 (ký hiệu IR 3), để xác định các giá trị của chúng bằng cách so sánh với mẫu chuẩn mức 2 và cấp chuẩn truyền IR3 cho các phòng thử nghiệm, phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành

[ISO 4094:1991]

#### 5.12

##### **Góc uốn**

Góc giữa mặt phẳng ban đầu của mẫu thử và mặt phẳng lý thuyết đi qua đường kẹp và đường của lực tác dụng tại điểm cuối của phép thử bền uốn

Xem thêm **độ cứng, lực uốn, chiều dài uốn**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 2493:1992

### 5.13

#### **Chiều dài uốn**

Khoảng bán kính không đổi giữa kẹp và vị trí trên mẫu thử mà tác dụng lực uốn

Xem thêm **độ cứng, lực uốn, góc uốn**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 2493:1992

### 5.14

#### **Độ cứng uốn**

Mômen của lực kháng trên một đơn vị chiều rộng của giấy hoặc các tông chống lại việc uốn cong trong giới hạn của sự biến dạng đàn hồi

[ISO 5628:1990]

Xem thêm **độ cứng, độ bền uốn**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 5629:1983

### 5.15

#### **Đen**

(thị lực) không có cảm giác sáng do sự kích thích dưới ngưỡng nhạy cảm của mắt

### 5.16

#### **Vật thể tối**

Vật thể hấp thụ tất cả tia sáng tới và không phản xạ

CHÚ THÍCH Mở rộng ra, vật thể hấp thụ không chọn lọc tất cả các bức xạ tới nó, ví dụ như lỗ hổng phủ bằng vật liệu gần như đen và nhận tia sáng tới qua kẽ hở nhỏ

### 5.17

#### **Bị đen**

Vùng có màu sẫm hơn hoặc xám hơn do, ví dụ như giấy quá ẩm khi được cán láng

Xem thêm **máy cán, ép nát**

### 5.18

#### **Hệ số phản xạ xanh**

Các thuật ngữ hệ số phản xạ định hướng xanh và hệ số phản xạ khuếch tán xanh (độ trắng sáng ISO) có liên quan đến phép đo của hệ số phản xạ quang phổ trong vùng tím và xanh của quang phổ

Xem thêm **hệ số phản xạ định hướng xanh, hệ số phản xạ khuếch tán xanh**

CHÚ THÍCH Tham khảo TCVN 1865:2007 (ISO 2470:1999)

### 5.19

#### **Chiều dài đứt**

Chiều dài giới hạn tính được của dải giấy hoặc các tông có chiều rộng đồng nhất, khi được treo một đầu với một khối lượng đủ nặng để làm đứt

[ISO 1924-1:1992]

Xem thêm **chỉ số độ bền kéo, độ bền kéo**

CHÚ THÍCH Chiều dài đứt được tính từ độ bền kéo và định lượng, xác định dưới điều kiện tiêu chuẩn của phép thử

### 5.20

#### **Thời gian để dầu mỡ thấm qua**

Khoảng thời gian trôi qua khi tiến hành phép thử dầu mỡ, để một khối lượng dầu mỡ từ một mặt của mẫu thử thấm hút qua mặt kia của mẫu thử

Xem thêm **thấm qua**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 5634:1986

### 5.21

#### **Độ trắng sáng**

Xem **hệ số phản xạ khuếch tán xanh**

## 5.22

### **Thể tích riêng**

(Giấy hoặc các tông) số nghịch đảo của khối lượng riêng biểu kiến của tập

## 5.23

### **Độ dày của tập**

Độ dày của một tờ giấy hoặc các tông được tính theo phương pháp thử tiêu chuẩn từ giá trị đo độ dày của nhiều tờ giấy chồng lên nhau (được gọi là tập) khi tác dụng một tải trọng tĩnh.

CHÚ THÍCH Tham khảo TCVN 3652:2000 (ISO 534:1988)

## 5.24

### **Chỉ số độ bục**

Độ chịu bục của giấy hoặc các tông chia cho định lượng

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 2758:1983 và ISO 2759:1983

## 5.25

### **Độ chịu bục**

Tác dụng một áp lực đồng đều tối đa vuông góc với bề mặt mẫu mà tại đó mẫu thử chịu được trước khi bị rách dưới các điều kiện xác định trong phương pháp thử tiêu chuẩn

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 2758:1983

## 5.26

### **Độ dày**

Xem **độ dày**

## 5.27

### **Độ dãn dịch bằng mao quản**

Khoảng cách mà chất lỏng dâng lên trong băng giấy hoặc các tông khi nó được treo lơ lửng theo phương thẳng đứng có đầu dưới được ngâm trong chất lỏng, phép đo được tiến hành theo phương pháp thử tiêu chuẩn.

## 5.28

### **Lượng clo bột giấy tiêu thụ**

Lượng clo hoạt tính bột giấy tiêu thụ dưới điều kiện xác định trong phương pháp thử tiêu chuẩn

CHÚ THÍCH 1 Tham khảo từ ISO 3260:1982

CHÚ THÍCH 2 Điều này được chứng minh qua thực nghiệm là có sự liên hệ giữa lượng clo tiêu thụ và tổng hàm lượng lignin có trong bột giấy

## 5.29

### **Giá trị Cobb**

Xem **độ hút nước**

## 5.30

### **Vết nhăn**

Vùng bị biến dạng của tờ giấy do sự co không đều tạo ra các vết hơi nhăn

## 5.31

### **Nhóm kỹ thuật chuyên trách**

Ban kỹ thuật hoặc tiểu ban kỹ thuật chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn

[ISO 4049:1991]

## 5.32

### **Chỉ số độ nén**

Độ bền nén chia cho định lượng

[ISO 9895:1989]

## 5.33

## **Độ bền nén**

Lực nén lớn nhất trên một đơn vị chiều rộng của mẫu thử giấy hoặc các tông có thể chịu được cho tới khi lực nén không còn trong phép thử độ nén, dưới các điều kiện xác định của phương pháp thử tiêu chuẩn.

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 9895:1989

### **5.34**

#### **Điều hòa giấy hoặc các tông**

Quá trình tạo lập sự cân bằng độ ẩm giữa mẫu thử và môi trường ở điều kiện nhiệt độ quy định và độ ẩm tương đối.

[TCVN 6725:2007 (ISO 187:1990)]

CHÚ THÍCH Sự cân bằng được cho là đạt, khi các kết quả của hai lần cân mẫu thử liên tiếp được tiến hành trong khoảng thời gian không nhỏ hơn 1 h không có sự khác nhau lớn hơn quy định

### **5.35**

#### **Khối lượng không đổi**

Khối lượng đạt được khi các mẫu thử của giấy hoặc các tông được sấy khô tại nhiệt độ xác định cho tới khi sự chênh lệch khối lượng giữa hai lần cân liên tiếp không vượt quá 0,1 % khối lượng ban đầu của mẫu thử

[ISO 287:1985]

### **5.36**

#### **Độ uốn**

Độ lệch với bề mặt phẳng

CHÚ THÍCH 1 Phép đo có ba thông số chính, độ lớn (cường độ), góc của trục uốn uốn liên quan tới chiều dọc của giấy hoặc các tông và mặt uốn của tờ giấy

CHÚ THÍCH 2 Có các tiêu chuẩn để đo độ uốn của một tờ [TCVN 12312 (ISO 11556)] đo độ uốn của một tập (ISO 14968)

### **5.37**

#### **Độ không bắt lửa**

Mức độ mà giấy hoặc các tông chịu được khi làm nóng với sự có mặt của không khí dưới các điều kiện xác định của phép thử.

Xem thêm **giấy hoặc các tông chống cháy**

### **5.38**

#### **Độ không cháy**

Mức độ mà giấy hoặc các tông chịu được sự cháy khi bị đốt dưới các điều kiện xác định của phép thử.

Xem thêm **giấy hoặc các tông chống cháy**

### **5.39**

#### **Hệ số phản xạ khuếch tán xanh**

#### **Độ trắng sáng ISO**

#### **Độ trắng sáng**

Hệ số phản xạ thực đo được bằng thiết bị đo phản xạ có các đặc tính được mô tả trong TCVN 10973 (ISO 2469), thiết bị có bộ lọc hoặc chức năng tương đương có bước sóng hiệu quả 457 nm và chiều rộng tại một nửa chiều cao 44 nm và được điều chỉnh sao cho hàm lượng tia UV của chùm sáng tới trên mẫu thử tương ứng với vật chiếu sáng C của CIE

[TCVN 1865:2007 (ISO 2470:1999)]

Xem thêm **hệ số phản xạ xanh, hệ số phản xạ định hướng xanh**

### **5.40**

#### **Sự thay đổi kích thước sau khi ngâm trong nước**

Sự thay đổi về độ dài, chiều dọc hoặc chiều ngang sau khi ngâm giấy đã được điều hòa trong điều kiện môi trường chuẩn trong nước, so với độ dài được đo trong trạng thái đã điều hòa.

[ISO 5635:1978]

## 5.41

### Tính ổn định kích thước

Khả năng của giấy hoặc các tông giữ được kích thước và hình dạng mặc dù có sự thay đổi độ ẩm dưới tác động của, ví dụ như sự biến đổi của không khí xung quanh, hoặc bởi các biến đổi của ứng suất vật lý và cơ học trong quá trình in và các thao tác gia công hoặc khi sử dụng.

Xem thêm **tính không ổn định ẩm, tính ổn định ẩm, tính giãn nở ẩm**

CHÚ THÍCH Thuật ngữ này cho đến nay vẫn thường được sử dụng, nhưng không chính xác khi sử dụng chỉ liên quan đến tính ổn định ẩm.

## 5.42

### Hệ số phản xạ định hướng xanh

Hệ số phản xạ liên quan đến vật khuếch tán phản xạ lý tưởng tại bước sóng hữu hiệu 457 nm được xác định bằng thiết bị được chiếu sáng tại góc  $45^\circ$  và sự quan sát chuẩn

Xem thêm **hệ số phản xạ xanh, hệ số phản xạ khuếch tán xanh**

## 5.43

### Sự phai màu

Sự thay đổi không định trước về màu sắc của giấy, ví dụ do tác động của ánh sáng hoặc không khí.

## 5.44

### Lần gấp nếp

Một dao động hoàn toàn của mẫu thử gồm một lần gấp đi và gấp lại trên một đường thẳng

[TCVN 1866:2007 (ISO 5626:1993)]

Xem thêm **độ bền gấp**

## 5.45

### Độ thoát nước

Các phần cùng với nước của nguyên liệu bột giấy dễ dàng thoát qua lưới dưới trọng lực

Xem thêm **giá trị độ nghiền**

## 5.46

### Hàm lượng chất khô

Tỷ số của khối lượng vật liệu sau khi sấy khô tới khối lượng không đổi tại nhiệt độ  $105^\circ\text{C} \pm 2^\circ\text{C}$  dưới các điều kiện xác định, với khối lượng tại thời điểm lấy mẫu.

CHÚ THÍCH 1 Hàm lượng chất khô thường được biểu thị bằng phần trăm

CHÚ THÍCH 2 Tham khảo TCVN 4407:2001 (ISO 638:1978)

## 5.47

### Hàm lượng chất khô

Xem **hàm lượng chất khô**

## 5.48

### Tính bền

Khả năng của giấy chịu được các tác động của sự sử dụng lặp lại (mài mòn và xé)

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 11108:1996

## 5.49

### Sự khử bụi

Xem **sự bong bụi**

## 5.50

### Độ bền nén của mép giấy (khoảng ngắn)

Lực nén lớn nhất trên mặt phẳng băng giấy có chiều rộng 15 mm có thể chịu được mà không bị hỏng khi nó được kẹp giữa hai má kẹp có khoảng cách 0,7 mm

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 9895:1989

## 5.51

## **Độ bền nén của mép giấy**

Lực nén lớn nhất theo chiều của các đường sóng mà một mẫu thử các tông đã tạo sóng hình chữ nhật, phẳng đứng trên cạnh của nó có thể chịu được mà không bị lực nén làm hỏng

CHÚ THÍCH 1 Chiều cao của mẫu thử phải ngắn đủ để không bị hỏng khi uốn

CHÚ THÍCH 2 Độ bền nén của mép giấy nêu trong ISO 3037 và ISO 13821

CHÚ THÍCH 3 Phép thử được sử dụng để xác định tính chất này được gọi là phép thử nén mép (ECT)

### **5.52**

#### **Vết chần**

Vết hằn trên giấy hoặc các tông do chần của máy xeo gây ra

### **5.53**

#### **Độ thô của xơ sợi**

Khối lượng trung bình (khô tuyệt đối) của một loại xơ sợi trên một đơn vị chiều dài của nó trên đơn vị chiều dài của dạng xơ sợi cụ thể

[TCVN 3980-1: 2001 (ISO 9184-1:1990)]

CHÚ THÍCH Độ thô của xơ sợi thường được biểu thị bằng miligam trên mét

### **5.54**

#### **Phân tích thành phần xơ sợi**

Phân tích các loại xơ sợi có trong thành phần của mẫu giấy, các tông và bột giấy theo hình thái xơ sợi và theo phương pháp nấu bột giấy

[TCVN 3980-1: 2001 (ISO 9184-1:1990)]

### **5.55**

#### **Hoàn thiện**

Tác động của các thiết bị cơ học tới các đặc tính bề mặt của giấy hoặc các tông (ví dụ, bằng cán láng)

### **5.56**

#### **Độ bền nén phẳng**

Áp lực lớn nhất tác động vuông góc với bề mặt mà các tông xơ sợi sóng có thể chịu được trước khi các lớp giấy sóng sụp đổ

CHÚ THÍCH Độ bền nén phẳng nêu trong ISO 3035 và TCVN 6897(ISO 7263)

### **5.57**

#### **Độ phẳng**

Trạng thái của giấy hoặc các tông khi không uốn, không nhăn hoặc sóng

### **5.58**

#### **Bụi xơ giấy**

Xem **sự bong bụi**

### **5.59**

#### **Chỉ số độ bền gấp**

Antilogarit (cơ số 10) của giá trị độ bền gấp trung bình

Xem thêm **độ bền gấp**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ TCVN 1866:2007 (ISO 5626:1893)

### **5.60**

#### **Độ bền gấp**

Logarit (cơ số 10) của số lần gấp kép quy định cho đến khi đứt mẫu thử khi được thử trong điều kiện thử chuẩn

[TCVN 1866:2007 (ISO 5626:1993)]

Xem thêm **chỉ số độ bền gấp**

### **5.61**

## **Giá trị độ nghiền**

Đo độ thoát nước của huyền phù bột giấy dạng lỏng, xác định và biểu thị kết quả theo quy định trong phương pháp thử tiêu chuẩn.

Xem thêm **nguyên liệu bột giấy, bột dễ thoát nước và bột khó thoát nước**

CHÚ THÍCH Giá trị độ nghiền nêu trong TCVN 8202-2:2009 (ISO 5267-2:2001)

### **5.62**

#### **Độ bóng**

Cách thể hiện vùng sáng rõ của vật thể phản xạ nhận được tại lớp trên cùng của bề mặt do tính chất chọn lọc có hướng của bề mặt đó

[ISO 8254-1:1999]

### **5.63**

#### **Định lượng**

Khối lượng của một đơn vị diện tích giấy hoặc các tông

CHÚ THÍCH 1 Tham khảo TCVN 1270:2008 (ISO 536:1995)

CHÚ THÍCH 2 Định lượng được biểu thị bằng gam trên mét vuông

### **5.64**

#### **Tính giãn nở ẩm**

Sự thay đổi độ dài, xảy ra đối với chiều dài xác định của giấy hoặc các tông khi độ ẩm ở trạng thái cân bằng tăng lên từ độ ẩm tương đối thấp hơn quy định đến độ ẩm tương đối cao hơn quy định [ISO 8226-1:1994]

Xem thêm **tính ổn định kích thước, tính không ổn định ẩm, tính ổn định ẩm**

CHÚ THÍCH Sự thay đổi độ dài được biểu thị bằng phần trăm của độ dài xác định khi giấy hoặc các tông ở trạng thái cân bằng với độ ẩm 50 %. Sự co lại của mẫu thử được cho là không có tính giãn nở ẩm.

### **5.65**

#### **Tính không ổn định ẩm**

Xu hướng thay đổi kích thước và độ phẳng của giấy hoặc các tông khi độ ẩm thay đổi.

Xem thêm **tính ổn định kích thước, tính giãn nở ẩm, tính ổn định ẩm**.

### **5.66**

#### **Tính ổn định ẩm**

Khả năng duy trì kích thước hoặc hình dạng của giấy hoặc các tông khi độ ẩm thay đổi.

Xem thêm **tính ổn định kích thước, tính giãn nở ẩm, tính không ổn định ẩm**.

### **5.67**

#### **Hệ số phản xạ đặc trưng**

Hệ số phản xạ của một lớp hoặc một tập vật liệu có độ dày đủ để bảo đảm tính mờ đục.

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 2469:1994

### **5.68**

#### **Chuẩn quy chiếu cấp 1**

##### **IR1**

Chuẩn quy chiếu cuối cùng và vô hạn, đơn nhất hoặc tập hợp, được sử dụng để chuẩn hóa các phép thử

[ISO 4094:1991]

CHÚ THÍCH Trong thực tế điều này có thể là, ví dụ:

- a) Vật liệu chuẩn bổ sung các chuẩn đo lường cho các nhu cầu công nghiệp cụ thể
- b) Sản phẩm có chất lượng cao được chấp nhận là chuẩn đối chứng đối với một số đặc tính của nó
- c) Bộ thiết bị (hoặc một phần của thiết bị) hoặc sản phẩm cần thiết để thực hiện phép thử và duy trì như một chuẩn đối chiếu vĩnh cửu.

d) Chuẩn lý tưởng, ví dụ vật khuếch tán phản xạ lý tưởng.

## 5.69

### Chuẩn quy chiếu cấp 2

#### IR2

Chuẩn truyền để đánh giá chuẩn cấp 3 (IR3) hoặc để hiệu chuẩn thiết bị bao gồm vật liệu hoặc đối tượng được đánh giá theo chuẩn quy chiếu cấp 1 bởi phòng thử nghiệm tiêu chuẩn, khi được quy định theo thỏa thuận của các bên liên quan

[ISO 4094:1991]

## 5.70

### Chuẩn quy chiếu cấp 3

#### IR3

Chuẩn truyền, gồm có một vật liệu hoặc một đối tượng được đánh giá theo chuẩn quy chiếu cấp 2 bởi phòng thử nghiệm được ủy quyền, theo quy định trong tiêu chuẩn liên quan và được các phòng thử nghiệm sử dụng để hiệu chuẩn thiết bị

[ISO 4094:1991]

## 5.71

### Trị số Kappa của bột giấy

Số mililit dung dịch  $\text{KMnO}_4$  0,02 mol/l tiêu hao cho 1 g bột giấy khô tuyệt đối trong điều kiện quy định

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 302:1981

CHÚ THÍCH Trị số Kappa biểu thị lượng lignin (độ cứng) hoặc mức độ tẩy trắng của bột giấy. Không có mối tương quan chung và rõ ràng giữa trị số Kappa và lượng lignin có trong bột giấy. Mối tương quan thay đổi theo loài gỗ và phương pháp tách loại lignin. Nếu trị số Kappa được sử dụng để xác định lượng lignin trong bột giấy thì phải xây dựng mối tương quan riêng của từng loại bột giấy.

## 5.72

### Hệ số động học của ma sát

Tỷ số của ma sát động học và lực tác dụng vuông góc với hai bề mặt trong phép thử sự ma sát

[ISO 15369:1999]

Xem thêm **hệ số ma sát tĩnh**

## 5.73

### Chỉ số độ nhớt giới hạn

Tính chất của bột giấy hoặc các vật liệu cellulosic khác được tính toán từ độ nhớt của dung dịch pha loãng của vật liệu trong dung môi thích hợp, được xác định và biểu thị theo quy định trong phương pháp thử tiêu chuẩn

CHÚ THÍCH Độ nhớt giới hạn nêu trong ISO 5351-1:1981

## 5.74

### Sự bong bụi

#### Sự khử bụi

#### Bụi xơ giấy

Các xơ sợi hoặc bụi bong ra từ giấy hoặc các tông trong quá trình in, bao gồm chủ yếu là các xơ sợi riêng biệt hoặc các phần tử chất độn hoặc các chất gia keo, hoặc là tập hợp rất nhỏ của tất cả các vật liệu đó.

CHÚ THÍCH Các phần tử này có thể hoàn toàn bong ra trên bề mặt, hoặc trong các liên kết yếu, nhưng có khả năng tách ra tại một số giai đoạn trong quá trình in.

## 5.75

### Soi ngược sáng

Cấu trúc ngoại quan của tờ giấy quan sát được trong ánh sáng khuếch tán truyền qua

CHÚ THÍCH Đây là dấu hiệu của sự hình thành

## 5.76

### Lô

Tập hợp của bột giấy, giấy hoặc các tông có cùng một đặc tính kỹ thuật, được sản xuất trong cùng một điều kiện được coi là đồng nhất và có sẵn để lấy mẫu tại cùng một thời điểm.

Xem thêm **đơn vị**

CHÚ THÍCH 1 Lô gồm một hoặc nhiều đơn vị giống nhau

CHÚ THÍCH 2 Tham khảo TCVN 3649:2007 (ISO 186:2002). Lô nêu trong TCVN 4360:2001 (ISO 7213:1981)

CHÚ THÍCH 3 Khi vật liệu thử nghiệm được sản xuất thành vật phẩm (ví dụ bao bì), lô sản phẩm là tập hợp của các vật phẩm của cùng một dạng hoặc có các đặc tính xác định.

## 5.77

### Hệ số phản xạ ánh sáng

Hệ số phản xạ được xác định bằng đối chiếu với nguồn sáng C của CIE và hàm tương hợp màu của CIE 1931 và tương ứng với thuộc tính thị giác của bề mặt phản xạ

[ISO 2471:1998]

## 5.78

### Môđun đàn hồi

Tỷ số của lực căng trên một đơn vị diện tích mặt cắt ngang và độ giãn dài trên một đơn vị chiều dài

[TCVN 1862-2:2007 (ISO 1924-2:1994)]

CHÚ THÍCH Trong giấy, đo chính xác độ dày thực tại mỗi điểm là không thực tế, do đó phép đo mặt cắt ngang và môđun chỉ là số gần đúng, Vì giấy có tính đàn hồi nên môđun tốt nhất xác định bằng độ dốc lớn nhất của đường cong lực kéo

## 5.79

### Độ ẩm

Lượng nước có trong vật liệu

CHÚ THÍCH 1 Trong thực tế, độ ẩm được coi là tỷ số của khối lượng mất đi của mẫu thử khi được sấy khô theo phương pháp thử tiêu chuẩn và khối lượng tại thời điểm lấy mẫu.

CHÚ THÍCH 2 Tham khảo từ ISO 287:1985

## 5.80

### Độ đục

#### Tám lót bằng giấy

Tỷ số của lượng ánh sáng phản xạ từ một tờ giấy có một tấm lót đen với lượng ánh sáng phản xạ từ cùng tờ giấy đó được lót bằng một chồng các tờ giấy của cùng loại có đủ độ đục, phép đo được tiến hành trong các điều kiện tiêu chuẩn [ISO 2471]

CHÚ THÍCH 1 Độ đục có trong ISO 2471:1998

CHÚ THÍCH 2 Chồng giấy đủ độ đục là chồng giấy có đủ độ dày để khi bổ sung thêm các tờ, giấy giá trị đo không bị thay đổi.

## 5.81

### Clo liên kết hữu cơ

Lượng clo liên kết hữu cơ có trong bột giấy, giấy hoặc các tông.

Xem thêm clo tổng số

CHÚ THÍCH Tham khảo từ TCVN 11618:2016 (ISO 11480:1997)

## 5.82

### Khối lượng khô tuyệt đối

Khối lượng của bột giấy, giấy hoặc các tông sau khi sấy khô tới khối lượng không đổi ở điều kiện loại được ẩm và vật liệu khác bay hơi ở nhiệt độ 105 °C + 2 °C.

Xem **thêm hàm lượng chất khô**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 801-1:1994

## 5.83

### Vật khuếch tán phản xạ lý tưởng

Vật khuếch tán đồng nhất lý tưởng với một phản xạ bằng một đơn vị

#### **5.84**

##### **Tuổi thọ của giấy**

Khả năng của giấy duy trì được sự ổn định lâu dài khi được bảo quản trong thư viện, nơi lưu trữ hồ sơ và các môi trường được bảo vệ khác

CHÚ THÍCH Tham khảo TCVN 11273:2015 (ISO 9706:1994)

#### **5.85**

##### **Tính thấm thấu**

Xem **khả năng thấm thấu**

#### **5.86**

##### **Khả năng thấm thấu**

##### **Tính thấm thấu**

Tính chất của tờ giấy hoặc các tông cho phép chất lỏng đi từ mặt này sang mặt kia.

CHÚ THÍCH 1 Khả năng thấm thấu nêu trong (ISO 5636) (tất cả các phần)

CHÚ THÍCH 2 Không đúng khi sử dụng “độ xốp” để chỉ “Khả năng thấm thấu”

CHÚ THÍCH 3 Độ thấu khí là tính chất của tờ giấy hoặc tờ các tông cho phép không khí đi từ mặt này sang mặt kia

#### **5.87**

##### **Độ bong tróc**

Sự vỡ lớp bề mặt của giấy hoặc các tông trong khi sản xuất hoặc trong quá trình in, xảy ra khi lực kéo bên ngoài tác dụng lên bề mặt lớn hơn sự liên kết của giấy hoặc các tông.

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 3783:1980

#### **5.88**

##### **Tốc độ bong tróc**

Tốc độ của quá trình in tại thời điểm mà bề mặt của giấy in bắt đầu bong tróc

#### **5.89**

##### **Tính năng in**

Tập hợp các tính chất của giấy hoặc các tông bao gồm tính thấm, giữ và làm khô mực in mà không gây lem, nhòe, có khả năng biểu thị các hình ảnh có chứa các thông tin đồ họa có độ tương phản tốt và độ trung thực cao.

#### **5.90**

##### **Độ đục để in**

Xem **độ đục (tám lót bằng giấy)**

#### **5.91**

##### **Tỷ lệ thu gom để tái chế**

Khối lượng của giấy và sản phẩm giấy thu hồi từ dòng thải, biểu thị theo phần trăm của tổng khối lượng giấy tiêu thụ trong một khu vực địa lý nhất định

Xem thêm **giấy thu hồi**

#### **5.92**

##### **Tỷ lệ tận dụng để tái chế**

Khối lượng của giấy thu hồi được sử dụng trong sản xuất giấy, biểu thị theo phần trăm của tổng lượng giấy sản xuất trong một khu vực địa lý nhất định

#### **5.93**

##### **Hệ số phản xạ**

Tỷ số của bức xạ phản xạ bởi một vật thể đến phản xạ bởi vật khuếch tán lý tưởng trong cùng điều kiện

CHÚ THÍCH Tham khảo ISO 2469:1994, TCVN 1865:2007 (ISO 2470:1999) và ISO 2471:1998

## 5.94

### **Độ hút nước tương đối**

Tỷ lệ của khối lượng nước đã hút và khối lượng của mẫu thử đã được để điều hòa [TCVN 3650:2008(ISO 5637:1989)]

## 5.95

### **Lượng còn lại sau khi nung**

#### **Độ tro**

Lượng còn lại sau khi nung mẫu bột giấy, giấy hoặc các tông trong lò nung, được xác định và biểu thị theo phương pháp thử tiêu chuẩn thích hợp

Xem thêm **tro không tan trong axit**

CHÚ THÍCH Lượng còn lại sau khi nung nêu trong TCVN 10761 (ISO 1762) và TCVN 1864 (ISO 2144)

## 5.96

### **Độ bền uốn**

Lực cần để uốn mẫu thử hình chữ nhật đã được kẹp một đầu qua góc uốn 15° khi tác dụng lực gần điểm cuối đầu không kẹp của mẫu thử, vuông góc với mặt phẳng được tạo bởi cạnh sát kẹp mẫu thử và điểm hoặc đường tác dụng của lực.

Xem thêm **độ cứng, chiều dài uốn, góc uốn, độ cứng uốn**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ TCVN 6894:2001 (ISO 2493:1992)

## 5.97

### **Tính chống thấm nước**

Tính chất của giấy hoặc các tông làm chậm sự đi qua của nước từ mặt này sang mặt kia của giấy hoặc các tông

[ISO 5633:1983]

## 5.98

### **Độ bền nén vòng**

Lực nén lớn nhất trên một đơn vị chiều dài mà một mẫu thử hẹp khi bị uốn thành hình trụ (vòng tròn) có thể chịu được trên cạnh của mẫu thử mà không bị nén xuống dưới các điều kiện xác định của tiêu chuẩn

CHÚ THÍCH Độ bền nén vòng nêu trong TCVN 6896 (ISO 12192)

## 5.99

### **Độ nhám**

Mức độ gồ ghề của bề mặt giấy hoặc các tông.

Xem thêm **độ nhẵn**

CHÚ THÍCH 1 Độ nhám nêu trong ISO 8791-1

CHÚ THÍCH 2 Tính chất được gọi là nhám khi đối với phép thử nhất định giá trị thử nghiệm tăng biểu thị độ nhám bề mặt tăng

## 5.100

### **Mẫu**

Tập hợp của tất cả các tờ mẫu được lấy đại diện từ lô sản phẩm.

Xem thêm **tờ mẫu, mẫu thử, lô**

CHÚ THÍCH Tham khảo TCVN 3649:2007 (ISO 186:2002)

## 5.101

### **Lấy mẫu ngẫu nhiên**

Lấy mẫu sao cho mỗi phần trong toàn bộ lô đều được lấy như nhau

CHÚ THÍCH Tham khảo từ TCVN 3649:2007 (ISO 186:2002)

## 5.102

## **Thời gian dầu mỡ bắt đầu thấm qua**

Khoảng thời gian trôi qua khi tiến hành phép thử với một lượng dầu mỡ trên một mặt của mẫu thử cho đến khi nhìn thấy dấu hiệu dầu mỡ đầu tiên ở mặt kia, trước khi dầu mỡ thực sự thấm vào bề mặt [ISO 5634:1986]

Xem thêm **thời gian để dầu mỡ thấm qua**

CHÚ THÍCH 1 Đối với nhiều loại giấy và các tông, thời gian để dầu mỡ thấm qua và thời gian dầu mỡ bắt đầu thấm qua là giống nhau

CHÚ THÍCH 2 Mặt dù thời gian để dầu mỡ thấm qua là đặc tính chính của độ bền dầu mỡ, thời gian dầu mỡ bắt đầu thấm qua có thể được quan tâm trong các trường hợp đặc biệt, ví dụ như trong nghiên cứu về các tông bao gói thực phẩm có lớp chất dẻo.

### **5.103**

#### **Độ dày của tờ**

Khoảng cách giữa hai mặt tờ giấy hoặc các tông được xác định như mô tả trong phương pháp thử tiêu chuẩn.

CHÚ THÍCH Tham khảo TCVN 3652:2000 (ISO 534:1988)

### **5.104**

#### **Khổ**

(của tờ giấy) trong bộ tiêu chuẩn về khổ giấy, kích của tờ giấy hoặc các tông biểu thị như sau: rộng, dài và chiều rộng có kích thước nhỏ hơn

Xem thêm **tờ**

CHÚ THÍCH Khổ giấy nêu trong ISO 216:1975

### **5.105**

#### **Độ nhẵn**

Ngược lại với độ nhám

Xem thêm **độ nhám**

CHÚ THÍCH 1 Độ nhẵn nêu trong ISO 8791-1:1986

CHÚ THÍCH 2 Tính chất được gọi là nhám khi đối với phép thử nhất định giá trị thử nghiệm tăng biểu thị độ nhám bề mặt tăng

### **5.106**

#### **Tờ mẫu**

Phần giấy hoặc các tông được lấy từ các tờ mẫu ban đầu, có kích thước đủ để chuẩn bị các mẫu thử.

Xem thêm **mẫu thử, mẫu, lô**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ TCVN 3649:2007 (ISO 186:2002)

### **5.107**

#### **Độ bóng phản chiếu**

Tỷ số của chùm tia sáng, được phản xạ bởi bề mặt mẫu thử tới khe mở xác định tại góc phản xạ phản chiếu với bề mặt phản xạ phản chiếu tiêu chuẩn trong cùng một điều kiện

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 8254-1:1999

### **5.108**

#### **Phòng thí nghiệm tiêu chuẩn**

Phòng thí nghiệm được chọn để duy trì hoặc cung cấp chuẩn quy chiếu cấp 1 (ký hiệu IR 1), để xác định bằng cách so sánh với giá trị của chuẩn quy chiếu cấp 2 (ký hiệu IR 2), để chuẩn bị các chuẩn IR2 và để cung cấp các chuẩn truyền IR2 đến các phòng thí nghiệm được ủy quyền, khi cần được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn

[ISO 4094:1991]

### **5.109**

#### **Hệ số ma sát tĩnh**

Tỷ số của ma sát tĩnh với lực tác dụng vuông góc với hai bề mặt trong phép thử ma sát

[ISO 15359:1999]

Xem thêm **hệ số động học của ma sát**

#### 5.110

##### **Độ cứng**

Độ chịu uốn của giấy hoặc các tông đo được dưới các điều kiện quy định.

Xem thêm **độ cứng uốn, độ bền uốn**

CHÚ THÍCH Độ bền uốn nêu trong ISO 2493

#### 5.111

##### **Độ giãn dài tới đứt**

Độ giãn dài đo được tại thời điểm đứt, biểu thị bằng phần trăm so với độ dài ban đầu của mẫu thử giấy hoặc các tông khi chịu một lực kéo trong mặt phẳng của tờ giấy

CHÚ THÍCH Tham khảo từ TCVN 1862-2:2007 (ISO 1924-2:1994)

#### 5.112

##### **Chỉ số độ bền xé**

Độ bền xé của giấy hoặc các tông chia cho định lượng

CHÚ THÍCH Tham khảo từ TCVN 3229:2007 (ISO 1974:1990)

#### 5.113

##### **Độ bền xé**

Lực trung bình cần thiết để tiếp tục sự xé một tờ giấy hoặc các tông đã được xé mỗi dưới điều kiện xác định của phương pháp thử tiêu chuẩn,

CHÚ THÍCH 1 Nếu đường xé mỗi ban đầu theo chiều dọc thì kết quả là độ bền xé theo chiều dọc; tương tự nếu đường xé mỗi ban đầu theo chiều ngang kết quả sẽ là độ bền xé theo chiều ngang.

CHÚ THÍCH 2 Tham khảo TCVN 3229:2007 (ISO 1974:1990)

#### 5.114

##### **Năng lượng kéo hấp thụ**

Năng lượng trên một đơn vị diện tích bề mặt (chiều dài mẫu thử x chiều rộng mẫu thử) của giấy hoặc các tông đã hấp thụ trong khi bị kéo căng tới đứt

[TCVN 1862-2:2007 (ISO 1924-2:1994)]

#### 5.115

##### **Chỉ số năng lượng kéo hấp thụ**

Năng lượng kéo hấp thụ chia cho định lượng

[TCVN 1862-2:2007 (ISO 1924-2:1994)]

#### 5.116

##### **Chỉ số độ bền kéo**

Độ bền kéo chia cho định lượng.

Xem thêm **độ bền kéo, chiều dài đứt**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ TCVN 1862-2:2007 (ISO 1924-2:1994)

#### 5.117

##### **Độ bền kéo**

Lực kéo lớn nhất trên một đơn vị chiều rộng mà mẫu thử chịu được trước khi đứt dưới các điều kiện xác định của phương pháp thử tiêu chuẩn.

Xem thêm **chỉ số độ bền kéo, chiều dài đứt**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ TCVN 1862-2:2007 (ISO 1924-2:1994)

#### 5.118

##### **Mẫu thử**

Các mảnh giấy hoặc các tông được tiến hành đo phù hợp với các quy định trong từng phương pháp thử

[TCVN 3649:2007 (ISO 186:2002)]

**CHÚ THÍCH** Mẫu thử thường được lấy từ các tờ mẫu; trong một số trường hợp, mẫu thử có thể chính là tờ mẫu, hoặc một vài tờ mẫu.

Xem thêm **tờ mẫu, mẫu thử, lô**

#### **5.119**

##### **Độ dày**

Thuật ngữ thường dùng đối với độ dày của một tờ và độ dày một tập.

Xem thêm **độ dày của tờ, độ dày tập**

#### **5.120**

##### **Clo tổng số**

Tổng lượng clo nguyên tố có trong bột giấy, giấy hoặc các tông.

Xem thêm **clo liên kết hữu cơ**

**CHÚ THÍCH** Tham khảo từ TCVN 11618:2016 (ISO 11480:1997)

#### **5.121**

##### **Khở cắt biên**

Kích thước cuối cùng của tờ giấy hoặc các tông

**CHÚ THÍCH** Tham khảo từ ISO 217:1995

#### **5.122**

##### **Tính chất hai mặt**

Sự khác nhau ở mức độ biến đổi về cấu trúc bề mặt, sắc thái hoặc các tính chất khác giữa hai mặt của giấy hoặc các tông mà có thể do bản chất của phương pháp sản xuất

#### **5.123**

##### **Đơn vị**

Thành phần của lô, có thể ở dạng cuộn, kiện, tờ, ram, các vật phẩm để bao gói, chất tải hàng.v.v..

[TCVN 3649:2007 (ISO 186:2002)]

Xem thêm **lô**

#### **5.124**

##### **Khở chưa cắt biên**

Các kích thước của tờ giấy hoặc các tông đủ rộng để có thể có khở cắt biên khi cần

**CHÚ THÍCH** Tham khảo từ ISO 217:1995

#### **5.125**

##### **Mảnh xơ sợi bong tróc**

Dạng bong tróc trong đó các phần tử bị loại khỏi bề mặt là các mảnh xơ sợi của thành phần gỗ cứng trong phối liệu bột xeo

#### **5.126**

##### **Độ hút nước**

##### **Tính hút nước**

##### **Giá trị Cobb**

Khối lượng của nước đã hấp thụ trên một đơn vị diện tích dưới điều kiện quy định của phép thử

[TCVN 3650:2008 (ISO 5637:1989)]

**CHÚ THÍCH 1** Tham khảo từ TCVN 6726:2007 (ISO 535:1991)

**CHÚ THÍCH 2** Thuật ngữ “giá trị Cobb” liên quan đến phương pháp tiêu chuẩn trong TCVN 6726 (ISO 535)

#### **5.127**

##### **Tốc độ truyền hơi nước**

Khối lượng hơi nước truyền qua một đơn vị diện tích trong một đơn vị thời gian dưới các điều kiện

nhiệt độ và độ ẩm quy định

[ISO 9932:1990, ISO 2528:1995]

#### **5.128**

##### **Clorua tan trong nước**

(giấy, các tông và bột giấy) lượng ion clorua được trích ly và được xác định dưới các điều kiện quy định trong phương pháp thử tiêu chuẩn.

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 9197:1998

#### **5.129**

##### **Sunphat tan trong nước**

Lượng ion sunphat được chiết và xác định dưới các điều kiện quy định trong phương pháp thử tiêu chuẩn.

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 9198:2001

#### **5.130**

##### **Sóng**

##### **Sự gợn sóng**

Sự vận vẹo của giấy, thường tại các cạnh và theo chiều ngang

Xem thêm **chiều ngang**

#### **5.131**

##### **Sự gợn sóng**

Xem **sóng**

#### **5.132**

##### **Hệ số khối lượng**

Tỷ số của độ thô của một loại xơ sợi với xơ sợi chuẩn

[TCVN 3980-1:2001 (ISO 9184-1:1990)]

CHÚ THÍCH Trong thương mại, xơ sợi bông (vải) được chọn là xơ sợi chuẩn để so sánh với tất cả các xơ sợi khác. Hệ số khối lượng của xơ sợi bông được lấy là 1,00 và độ thô xơ sợi xác định được là 0,180 mg/m.

#### **5.133**

##### **Độ bền kéo ướt còn lại**

Tỷ số của giá trị độ bền kéo của giấy hoặc các tông trong trạng thái ướt và giá trị độ bền kéo của cùng loại giấy hoặc các tông đó, được đo trong trạng thái điều hòa theo phương pháp đo tiêu chuẩn.

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 3781:1983

#### **5.134**

##### **Độ bền kéo ướt**

Lực lớn nhất mà mẫu thử giấy hoặc các tông chịu được trước khi đứt sau khi ngâm trong nước, dưới các điều kiện quy định

[ISO 3781:1983]

#### **5.135**

##### **Trắng 1 (1)**

(áp dụng cho phát xạ từ nguồn ban đầu) đặc tính của sự phát xạ gần với ánh sáng ban ngày

#### **5.136**

##### **Trắng 2 (2)**

(áp dụng cho vật thể) vật khuếch tán không hấp thụ trong khoảng quang phổ nhìn thấy

CHÚ THÍCH Mở rộng ra, một vật thể đục tương đối, khuếch tán cao và không đồng nhất và phản xạ cao tại tất cả các bước sóng trong khoảng quang phổ nhìn thấy

#### **5.137**

##### **Trắng 3 (3)**

(ánh sáng) cảm giác bất kỳ có thể so sánh được tạo ra bởi nguồn trắng ban đầu hoặc bởi sự phản xạ ánh sáng bởi vật thể trắng được chiếu sáng bằng ánh sáng trắng

#### 5.138

##### **Độ trắng**

Thuộc tính phức hợp của cảm giác nhìn bởi vật thể được cho là gần như trắng do độ sáng cao, sự khuếch tán cao và màu sắc có thể nhận thấy là thấp nhất.

#### 5.139

##### **Soi ngược sáng thấy rối**

Nhìn xuyên qua thấy mờ đục và không theo quy luật

#### 5.140

##### **Vết lưới**

Vết hằn trong giấy hoặc các tông bởi mắt lưới mà trên đó bằng giấy được tạo hình

#### 5.141

##### **Sự ngả màu vàng**

Sự suy giảm độ trắng của giấy, ví dụ bởi tác động của ánh sáng hoặc không khí

#### 5.142

##### **Chiều z**

Chiều vuông góc với mặt phẳng của tờ giấy hoặc các tông

#### 5.143

##### **Khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0”**

Khoảng cách ngắn nhất có thể giữa hai kẹp giữ mẫu thử; khi các kẹp được điều chỉnh tới khoảng cách 0, chùm ánh sáng hướng vào giữa hai kẹp là hoàn toàn bị chặn

[ISO 15361:2000]

Xem thêm **độ bền kéo ở khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0”**, **chỉ số độ bền kéo ở khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0”**

#### 5.144

##### **Chỉ số độ bền kéo ở khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0”**

Độ bền kéo khi khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0” chia cho định lượng [ISO 15361:2000]

Xem thêm **độ bền kéo ở khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0”**, **khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0”**

#### 5.145

##### **Độ bền kéo ở khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0”**

Giá trị độ bền kéo đo được trên thiết bị đo thích hợp với hai kẹp được điều chỉnh tới khoảng cách bằng 0, dưới các điều kiện quy định của phương pháp thử tiêu chuẩn.

Xem thêm **chỉ số độ bền kéo ở khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0”**

CHÚ THÍCH Tham khảo từ ISO 15361:2000

#### 5.146

Xem **tính chất hai mặt**

#### 5.147

Xem **độ quăn**.

### **Bảng tra theo thứ tự chữ cái tiếng Việt**

#### **B**

**Bị đen 5.17**

**Bụi xơ giấy 5.58**

#### **C**

**Chỉ số độ bền gấp 5.59**

Chỉ số độ bền kéo 5.116  
Chỉ số độ bền kéo ở khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0” 5.144  
Chỉ số độ bền xé 5.112  
Chỉ số độ bực 5.24  
Chỉ số độ nén 5.32  
Chỉ số độ nhớt giới hạn 5.73  
Chỉ số năng lượng kéo hấp thụ 5.115  
Chiều dài đứt 5.19  
Chiều dài uốn 5.13  
Chiều z 5.142  
Chuẩn quy chiếu cấp 1 5.68  
IR1 5.68  
Chuẩn quy chiếu cấp 2 5.69  
IR2 5.69  
Chuẩn quy chiếu cấp 3 5.70  
IR3 5.70  
Clo liên kết hữu cơ 5.81  
Clo tổng số 5.120  
Clorua tan trong nước 5.128

**D**

Dự trữ kiềm 5.5

**Đ**

Đen 5.15  
Điều hòa giấy hoặc các tông 5.34  
Định lượng 5.63  
Độ ẩm 5.79  
Độ bền gấp 5.60  
Độ bền kéo 5.117  
Độ bền kéo ở khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0” 5.145  
Độ bền kéo ướt 5.134  
Độ bền kéo ướt còn lại 5.133  
Độ bền kiềm 5.6  
Độ bền nén 5.33  
Độ bền nén của mép giấy (khoảng ngắn) 5.50  
Độ bền nén của mép giấy 5.51  
Độ bền nén phẳng 5.56  
Độ bền nén vòng 5.98  
Độ bền uốn 5.96  
Độ bền xé 5.113  
Độ bóng 5.62  
Độ bóng phản chiếu 5.107  
Độ bong tróc 5.87  
Độ chịu bực 5.25  
Độ cứng 5.110  
Độ cứng uốn 5.14

**Độ dãn dịch bằng mao quản 5.27**

**Độ dày 5.119**

**Độ dày 5.26**

**Độ dày của tập 5.23**

**Độ dày của tờ 5.103**

**Độ đục 5.80**

**Tám lót bằng giấy 5.80**

**Độ đục để in 5.90**

**Độ giãn dài tới đứt 5.111**

**Độ hút nước 5.126**

**Tính hút nước 5.126**

**Giá trị Cobb 5.126**

**Độ hút nước tương đối 5.94**

**Độ không bắt lửa 5.37**

**Độ không cháy 5.38**

**Độ nhám 5.99**

**Độ nhăn 5.105**

**Độ phẳng 5.57**

**Độ quăn 5.36**

**Độ thấu khí 5.4**

**Độ thô của xơ sợi 5.53**

**Độ thoát nước 5.45**

**Độ trắng 5.138**

**Độ trắng sáng 5.21**

**Độ tro 5.10**

**Đơn vị 5.123**

## **G**

**Giá trị Cobb 5.29**

**Giá trị độ nghiền 5.61**

**Góc uốn 5.12**

## **H**

**Hàm lượng chất khô 5.46**

**Hàm lượng chất khô 5.47**

**Hệ số động học của ma sát 5.72**

**Hệ số khối lượng 5.132**

**Hệ số ma sát tĩnh 5.109**

**Hệ số phản xạ 5.93**

**Hệ số phản xạ ánh sáng 5.77**

**Hệ số phản xạ đặc trưng 5.67**

**Hệ số phản xạ định hướng xanh 5.42**

**Hệ số phản xạ khuếch tán xanh 5.39**

**Độ trắng sáng ISO 5.39**

**Độ trắng sáng 5.39**

**Hệ số phản xạ xanh 5.18**

**Hoàn thiện 5.55**

## K

Khả năng tan trong kiềm 5.7  
Khả năng thấm hút 5.1  
Khả năng thấm thấu 5.86  
Tính thấm thấu 5.86  
Khở 5.104  
Khở cắt biên 5.121  
Khở chưa cắt biên 5.124  
Khoảng cách giữa hai kẹp bằng “0” 5.143  
Khối lượng khô tuyệt đối 5.82  
Khối lượng không đổi 5.35  
Khối lượng riêng biểu kiến của tập 5.8  
Khối lượng riêng biểu kiến của tờ 5.9

## L

Lần gấp kép 5.44  
Lấy mẫu ngẫu nhiên 5.101  
Lô 5.76  
Lượng clo bột giấy tiêu thụ 5.28  
Lượng còn lại sau khi nung 5.95  
Độ tro 5.95

## M

Mảnh xơ sợi bong tróc 5.125  
Mẫu 5.100  
Mẫu thử 5.118  
Môđun đàn hồi 5.78

## N

Năng lượng kéo hấp thụ 5.114  
Nhóm kỹ thuật chuyên trách 5.31

## P

Phân tích thành phần xơ sợi 5.54  
Phòng thí nghiệm tiêu chuẩn 5.108  
Phòng thử nghiệm được ủy quyền 5.11

## S

Soi ngược sáng 5.75  
Soi ngược sáng thấy rói 5.139  
Sóng 5.130  
Sự gợn sóng 5.130  
Sự bong bụi 5.74  
Sự khử bụi 5.74  
Bụi xơ giấy 5.74  
Sự gợn sóng 5.131  
Sự khử bụi 5.49  
Sự lão hóa 5.3  
Sự ngả màu vàng 5.141  
Sự phai màu 5.43

**Sự thay đổi kích thước sau khi ngâm trong nước 5.40**

**Sunphat tan trong nước 5.129**

## **T**

**Thể tích riêng 5.22**

**Thời gian dầu mỡ bắt đầu thấm qua 5.102**

**Thời gian để dầu mỡ thấm qua 5.20**

**Tính bền 5.48**

**Tính chất hai mặt 5.122**

**Tính chống thấm nước 5.97**

**Tính giãn nở ẩm 5.64**

**Tính không ổn định ẩm 5.65**

**Tính năng in 5.89**

**Tính ổn định ẩm 5.66**

**Tính ổn định kích thước 5.41**

**Tính thấm thấu 5.85**

**Tờ mẫu 5.106**

**Tốc độ bong tróc 5.88**

**Tốc độ truyền hơi nước 5.127**

**Trắng 1 (1) 5.135**

**Trắng 2 (2) 5.136**

**Trắng 3 (3) 5.137**

**Trị số Kappa của bột giấy 5.71**

**Tro không tan trong axit 5.2**

**Tuổi thọ của giấy 5.84**

**Tỷ lệ tận dụng để tái chế 5.92**

**Tỷ lệ thu gom để tái chế 5.91**

## **V**

**Vật khuếch tán phân xạ lý tưởng 5.83**

**Vật thể tối 5.16**

**Vết chần 5.52**

**Vết lưới 5.140**

**Vết nhăn 5.30**

### **Thư mục tài liệu tham khảo**

[1] TCVN 3649:2007 (ISO 186:2002) Giấy và cactông. Lấy mẫu để xác định chất lượng trung bình

[2] TCVN 6725:2007 (ISO 187:1990) Giấy, cactông và bột giấy. Môi trường chuẩn để điều hòa và thử nghiệm, quy trình kiểm tra môi trường và điều hòa mẫu

[3] ISO 216:1975, Writing paper and certain classes of printed matter - Trimmed sizes - A and B series

[4] ISO 217:1995, Paper- Untrimmed sizes- Designation and tolerances for primary and supplementary ranges, and indication of machine direction

[5] ISO 287:1985, Paper and board - Determination of moisture content-Oven-drying method

[6] ISO 302:1981, Pulps - Determination of Kappa number

[7] TCVN 3652:2000 (ISO 534:1988) Giấy và cactông. Xác định độ dày và tỷ trọng

[8] TCVN 6726:2007 (ISO 535:1991) Giấy và cactông. Xác định độ hút nước. Phương pháp Cobb

[9] TCVN 1270:2008 (ISO 536:1995) Giấy và các tông. Xác định định lượng

- [10] TCVN 4407:2001 (ISO 638:1978) Bột giấy. Xác định độ khô
- [11] ISO 692:1982, Pulps- Determination of alkali solubility
- [12] ISO 699:1982, Pulps- Determination of alkali resistance
- [13] ISO 776:1982, Pulps- Determination of acid-insoluble ash
- [14] ISO 801-1:1994, Pulps- Determination of saleable mass in lots - Part 1: Pulp baled in sheet form
- [15] TCVN 10761 (ISO 1762) Giấy, các tông và bột giấy - Xác định phần còn lại (độ tro) sau khi nung ở nhiệt độ 525 °C
- [16] ISO 1924-1:1992, Paper and board - Determination of tensile properties - Part 1: Constant rate of loading method
- [17] TCVN 1862-2:2007 (ISO 1924-2:1994) Giấy và cát tông. Xác định độ bền kéo. Phần 2: Phương pháp tốc độ giãn dài không đổi
- [18] TCVN 3229:2007 (ISO 1974:1990) Giấy. Xác định độ bền xé (phương pháp Elmendorf)
- [19] TCVN 1864:2001 (ISO 2144:1997) Giấy, các tông và bột giấy. Xác định độ tro sau khi nung tại nhiệt độ 900 °C
- [20] ISO 2469:1994, Paper, board and pulps - Measurement of diffuse reflectance factor
- [21] TCVN 1865:2007 (ISO 2470:1999) Giấy, cát tông và bột giấy. Xác định hệ số phản xạ khuếch tán xanh (độ trắng ISO)
- [22] ISO 2471:1998 Paper and board - Determination of opacity (paper backing) - Diffuse reflectance method
- [23] ISO 2493:1992, Paper and board - Determination of resistance to bending
- [24] ISO 2528:1995, Sheet materials - Determination of water vapour transmission rate - Gravimetric (dish) method
- [25] ISO 2758:2001, Paper- Determination of bursting strength
- [26] ISO 2759:2001, Board- Determination of bursting strength
- [27] ISO 3035:1982, Single-faced and singlewall corrugated fibreboard - Determination of flat crush resistance
- [28] ISO 3037:1994, Corrugated fibreboard - Determination of edgewise crush resistance (Unwaxed edge method)
- [29] ISO 3260:1982, Pulps- Determination of chlorine consumption (Degree of delignification)
- [30] ISO 3781:1983, Paper and board - Determination of tensile strength after immersion in water
- [31] ISO 3783:1980, Paper and board - Determination of resistance to picking - Accelerating speed method using the IGT tester (Electric model)
- [32] ISO 4094:1991, Paper, board and pulps - International calibration of testing apparatus - Nomination and acceptance of standardizing and authorized laboratories
- [33] TCVN 8202-2:2009 (ISO 5267-2:2001) Bột giấy. Xác định độ thoát nước. Phần 2: Phương pháp độ nghiền "Canadian Standard"
- [34] ISO 5351-1:1981, Cellulose in dilute solutions- Determination of limiting viscosity number- Part 1: Method in cupri-ethylene- diamine (CED) solution
- [35] TCVN 1866:2007 (ISO 5626:1993) Giấy. Phương pháp xác định độ bền gấp
- [36] ISO 5628:1990, Paper and board - Determination of bending stiffness by static methods - General principles
- [37] ISO 5629:1983, Paper and board - Determination of bending stiffness - Resonance method
- [38] ISO 5633:1983, Paper and board - Determination of resistance to water penetration
- [39] ISO 5634:1986, Paper and board - Determination of grease resistance
- [40] ISO 5635:1978, Paper - Measurement of dimensional change after immersion in water
- [41] ISO 5636 (all parts), Paper and board - Determination of air permeance (medium range)
- [42] ISO 5636-1:1984, Paper and board - Determination of air permeance (medium range) - Part 1: General method
- [43] TCVN 3650:2008(ISO 5637:1989) Giấy và các tông. Xác định độ hút nước sau khi ngâm trong nước

- [44] ISO 5651:1989, Paper, board and pulps - Units for expressing properties
- [45] ISO 7213:1981, Pulps- Sampling for testing
- [46] TCVN 6897 (ISO 7263) Giấy làm lớp sóng. Xác định độ bền nén phẳng sau khi đã tạo sóng trong phòng thí nghiệm
- [47] ISO 8226-1:1994, Paper and board - Measurement of hygroexpansivity- Part 1: Hygroexpansivity up to a maximum relative humidity of 68 %
- [48] ISO 8254-1:1999, Paper and board - Measurement of specular gloss - Part 1: 75 degree gloss with a converging beam, TAPPI method
- [49] ISO 8787:1986, Paper and board - Determination of capillary rise - Klemm method
- [50] ISO 8791-1:1986, Paper and board - Determination of roughness/smoothness (air leak methods) - Part 1: General method
- [51] ISO 9184-1:1990, Paper, board and pulps - Fibre furnish analysis- Part 1: General method
- [52] ISO 9197:1998, Paper, board and pulps - Determination of water-soluble chlorides
- [53] ISO 9198:2001, Paper, board and pulp - Determination of water-soluble sulfates
- [54] TCVN 11273:2015 (ISO 9706:1994) Thông tin và tư liệu - Giấy dành cho tài liệu - Yêu cầu về độ bền
- [55] ISO 9895:1989, Paper and board - Compressive strength - Short span test
- [56] ISO 9932:1990, Paper and board - Determination of water vapour transmission rate of sheet materials - Dynamic sweep and static gas methods
- [57] ISO 10241:1992, International terminology standards - Preparation and layout
- [58] ISO 10716:1994, Paper and board - Determination of alkali reserve
- [59] ISO 11108:1996, Information and documentation- Archival paper - Requirements for permanence and durability
- [60] TCVN 11618:2016 (ISO 11480:1997) Bột giấy, giấy và các tông - Xác định clo tổng số và clo liên kết hữu cơ
- [61] TCVN 12312 (ISO 11556) Giấy và các tông - Xác định độ uốn khi treo một mẫu thử theo phương thẳng đứng
- [62] ISO 12192, Paper and board - Compressive strength - Ring crush method
- [63] ISO 13821:2002, Corrugated fibreboard - Determination of edgewise crush resistance - Waxed edge method
- [64] ISO 14968:1999, Paper and board- Cut- size office paper- Measurement of curl in a pack of sheets
- [65] ISO 15359:1999, Paper and board - Determination of the static and kinetic coefficients of friction - Horizontal plane method
- [66] ISO 15361:2000, Pulps- Determination of zero-span tensile strength, wet or dry
- [67] CEI 60050-845:1987, International Electrotechnical Vocabulary. Lighting (CIE 17.4 -1987)